

KHÁI NIỆM “BẢO TÀNG” VÀ “HIỆN VẬT BẢO TÀNG”

qua một số văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

TS. TRỊNH THỊ HÒA

1 - Về khái niệm “bảo tàng”

Theo Điều 47 của Luật di sản văn hoá công bố năm 2001, khái niệm “Bảo tàng” được định nghĩa như sau: “Bảo tàng là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, giáo dục, tham quan và hưởng thụ văn hoá của nhân dân”

Từ khái niệm trên, có thể khẳng định rằng, các bảo tàng ở Việt Nam hiện nay là nơi thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng, đó là bảo quản và trưng bày các sưu tập hiện vật không chỉ liên quan đến lịch sử xã hội mà còn liên quan đến cả lịch sử tự nhiên. Tuy nhiên, đó chỉ là quy định về bảo tàng một cách chung chung, còn trong thực tế, tùy thuộc vào nội dung chủ đạo của từng bảo tàng mà thực hiện việc bảo quản và trưng bày hiện vật về lịch sử tự nhiên hay lịch sử xã hội (ngoại trừ bảo tàng tổng hợp ở các địa phương nhất thiết phải thể hiện cả hai lĩnh vực trên).

Ngoài định nghĩa vừa nêu, còn một định nghĩa nữa về bảo tàng được đề cập trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các bảo tàng do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành năm 1998, tức là 3 năm trước khi Luật di sản văn hoá ra đời, cụ thể như sau: “Bảo tàng là một thiết chế văn hoá có chức năng nghiên cứu và giáo dục

khoa học thông qua hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền và phát huy tác dụng các di sản lịch sử - văn hoá và thiên nhiên phù hợp với loại hình, tính chất và nội dung của bảo tàng”.

Qua nội dung trên, có thể thấy, nếu định nghĩa trong Luật di sản văn hoá xác định từ góc độ ngôi nhà “được gọi là bảo tàng” sử dụng để làm gì? thì khái niệm “Bảo tàng” trong văn bản này được nhìn nhận chủ yếu từ góc độ khoa học. Theo đó, với tư cách là một thiết chế văn hoá, các bảo tàng phải thực hiện hai chức năng quan trọng và mang tính truyền thống mà ít ai phủ nhận, đó là nghiên cứu khoa học và giáo dục khoa học. Muốn hoàn thành được hai chức năng trên, các bảo tàng cần thực hiện các nhiệm vụ cần thiết như: Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê và đặc biệt là phải tiến hành bảo quản tốt các di sản văn hóa (trong đó hiện vật bảo tàng là một loại đối tượng quan trọng) để chúng có thể tồn tại lâu dài với thời gian, nhằm phục vụ cho các lợi ích của xã hội. Tuy nhiên, bảo quản và giữ gìn tốt các di sản văn hóa là việc làm cần thiết nhưng chưa đủ, mà điều quan trọng hơn nữa là phải làm thế nào để mọi người biết được các di sản văn hóa đó quý giá như thế nào, hay nói cách

khác, là làm sao để công chúng hiểu được giá trị của các di sản văn hóa nói chung, hiện vật bảo tàng nói riêng. Để thực hiện điều đó, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hoá về nhiều mặt như hiện nay, thì hơn lúc nào hết, các bảo tàng phải đa dạng hoá các cách thức trưng bày theo hướng quan tâm đến công chúng, đồng thời chủ động tiến hành tuyên truyền, quảng bá dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp và gián tiếp) để công chúng đến với bảo tàng càng ngày càng nhiều hơn. Thực tế cũng đã chứng minh rằng, bảo tàng nào sớm quan tâm tới vấn đề trên thì hiệu quả hoạt động của bảo tàng sẽ tăng theo tỷ lệ thuận.

Đối chiếu khái niệm bảo tàng trong *Luật di sản văn hóa* với khái niệm này trong *Quy chế tổ chức và hoạt động của các bảo tàng*, có thể thấy một số điểm khác giữa chúng bởi nó được xác định từ các góc độ khác nhau. Ở đây, tôi chỉ lưu ý đến một điều rất quan trọng và cũng là điều rất mới trong khái niệm bảo tàng giữa hai văn bản trên, đó là việc đề cập đến hai từ “sưu tập” trong định nghĩa bảo tàng của *Luật di sản văn hóa*. Thực tế cho thấy, hai từ trên luôn gắn liền với các hoạt động chuyên môn của các bảo tàng ở những nước có sự nghiệp bảo tàng phát triển, thậm chí, có thể khẳng định rằng, sưu tập hiện vật được họ coi là vấn đề cốt lõi, là điều kiện tiên quyết để cho ra đời một bảo tàng. Liên hệ với tình hình của Việt Nam, trừ những bảo tàng xây dựng vào thời pháp thuộc được thực hiện theo quy trình như hầu hết các bảo tàng ở các nước Âu - Mỹ đã làm là xây dựng các sưu tập rồi mới thành lập bảo tàng, còn các bảo tàng của Việt Nam thường tiến hành theo quy trình ngược lại, có nghĩa là thành lập bảo tàng rồi mới xây dựng sưu tập hiện vật. Theo tôi, việc đưa hai từ sưu tập vào định nghĩa về bảo tàng trong *Luật di sản văn hóa* chứng tỏ những người tham gia xây dựng Luật đã rất thấu hiểu vấn đề trên và thấy rằng, các bảo tàng ở Việt Nam cần phải chú trọng xây dựng các sưu tập và đã là một bảo tàng thì nhất thiết phải có những hoạt động sưu tập hiện vật. Cũng chính vì vậy và Điều 49 của *Luật di sản văn hóa* quy định điều kiện đầu tiên để thành lập một bảo tàng là phải “có sưu tập về một hoặc nhiều chủ đề”.

Trịnh Thị Hòa: Khái niệm “bảo tàng” và...

Không chỉ đưa hai từ sưu tập vào định nghĩa về bảo tàng, mà hiểu thế nào về khái niệm đó cũng được quy định rất cụ thể: “*Sưu tập là một tập hợp các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia hoặc di sản văn hóa phi vật thể, được thu thập, gìn giữ, sắp xếp có hệ thống theo những dấu hiệu chung về hình thức, nội dung và chất liệu để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lịch sử tự nhiên và xã hội*”. Ngoài ra, hai từ sưu tập còn được lặp đi, lặp lại nhiều lần trong các văn bản pháp luật như: Trong *Luật di sản văn hóa* có điều 49, khoản 1 (điều kiện thành lập bảo tàng), điều 51, khoản 1 (xếp hạng bảo tàng), Điều 53 (khuyến khích chủ sở hữu tổ chức trưng bày hiện vật v.v...; hay trong Nghị định số 92/2002/NĐ-CP của Chính phủ có Điều 37, khoản 1 (Quyền và nghĩa vụ của bảo tàng tư nhân), Điều 38 - từ khoản 1 đến khoản 6 (gửi sưu tập tư nhân vào các bảo tàng nhà nước) v.v... Tất cả những điều đó chứng tỏ sự cần thiết của sưu tập hiện vật trong hoạt động của bảo tàng.

Bên cạnh việc đưa khái niệm sưu tập vào định nghĩa về bảo tàng nói chung, hai từ này còn được quy định cả trong định nghĩa về từng loại bảo tàng ở Việt Nam (thể hiện trong *Luật di sản văn hóa*) như sau:

- *Bảo tàng quốc gia là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị tiêu biểu trong phạm vi cả nước.*

- *Bảo tàng chuyên ngành là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị tiêu biểu về một chuyên ngành.*

- *Bảo tàng cấp tỉnh là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị tiêu biểu ở địa phương.*

- *Bảo tàng tư nhân là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị về một hoặc nhiều chủ đề.*

Như vậy, có thể nói, trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay của Việt Nam có liên quan đến bảo tàng (chủ yếu và quan trọng nhất là *Luật di sản văn hóa* và *Nghị định số 92/2002/NĐ-CP*) thì không những khái niệm bảo tàng đã được xác định rõ mà các vấn đề khác có mối liên quan chặt chẽ với nó về mặt quản lý cũng như khoa học đều đã được đề cập một cách thoả đáng.

2 - Về khái niệm “hiện vật bảo tàng”

Lịch sử hình thành và phát triển bảo tàng trên thế giới đã chứng minh rằng, bảo tàng ra đời là để phục vụ cho xã hội và sự phát triển của xã hội. Bằng các hoạt động đa dạng của mình, các bảo tàng đã và sẽ tạo ra những lợi ích về chính trị, văn hoá - xã hội, kinh tế. Và, cũng chính vì bảo tàng có vai trò quan trọng như vậy nên trên thế giới càng ngày càng có nhiều bảo tàng được thành lập. Theo số liệu công bố tại cuộc họp lần thứ XX của Đại hội đồng các bảo tàng quốc tế ở Seoul (Hàn Quốc) thì tính đến thời điểm diễn ra cuộc họp vào tháng 10/2004, trên thế giới đã có 65.000 bảo tàng. Một điều cũng rất dễ dàng nhận ra là, đã có bảo tàng tất nhiên phải có hiện vật bảo tàng. Có thể nói, hiện vật bảo tàng vừa là cơ sở cho mọi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, vừa là ngôn ngữ của mỗi bảo tàng, đồng thời là điều kiện mang tính quyết định để cho ra đời một bảo tàng. Nói cách khác, không có hiện vật bảo tàng thì sẽ không có bảo tàng.

Với lý do đó, cho đến nay, có khá nhiều định nghĩa xoay quanh khái niệm "hiện vật bảo tàng". Theo thống kê của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam (đăng tải trong cuốn *Sự nghiệp bảo tàng - những vấn đề cấp thiết*), tính đến 1997, riêng Việt Nam đã có 32 định nghĩa. Mặc dầu vậy, tôi cho rằng, sự khác nhau đó cũng là lẽ thường tình trong công tác nghiên cứu khoa học, bởi lẽ mỗi người từ những suy nghĩ và góc độ khác nhau sẽ đưa ra những định nghĩa khác nhau về khái niệm trên. Trong bài viết này, tôi chỉ đề cập đến một định nghĩa mới nhất của Việt Nam đã được xác định trong một văn bản quy phạm pháp luật mang tính chuyên ngành, đó là *Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng* do Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành ngày 15/9/2006. Trong Quy chế này, khái niệm hiện vật bảo tàng được hiểu như sau: *Hiện vật bảo tàng là di sản văn hóa gồm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, các tư liệu về di sản văn hóa phi vật thể đã được vật thể hoá và các mẫu vật tự nhiên, thuộc đối tượng nghiên cứu, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và loại hình bảo tàng.*

Qua định nghĩa trên, có thể thấy, khái niệm hiện vật bảo tàng đã thực sự mang tính cập nhật hoá, phù hợp với sự phát triển về lý luận cũng

như thực tiễn của ngành bảo tàng học trên thế giới, đặc biệt là vấn đề di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể thuộc đối tượng hoạt động của các bảo tàng và cả các di tích. Và, định nghĩa đó cũng cho thấy, khái niệm hiện vật bảo tàng hiện nay rất đa dạng; tính đa dạng thể hiện ở chỗ, nếu như trước đây, các nhà nghiên cứu hầu như chỉ đề cập đến tính vật thể của các hiện vật bảo tàng thì trong định nghĩa trên, các nhà bảo tàng học Việt Nam đã chú trọng đến cả tính phi vật thể của chúng. Cụ thể hơn, những đối tượng hoạt động của bảo tàng trong giai đoạn hiện tại không chỉ có các di sản văn hóa ở dạng vật thể (hữu hình), các mẫu vật tự nhiên có giá trị bảo tàng, mà còn có cả các di sản văn hóa ở dạng phi vật thể vô hình).

Những di sản văn hoá vật thể trong văn bản trên được quy định rất rõ ràng, đó là các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia - các khái niệm này cũng đã được xác định trong Điều 4, khoản 5,6,7 của *Luật di sản văn hoá*.

Việc phân loại các di sản văn hóa vật thể trong hoạt động bảo tàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyên môn cũng như công tác quản lý của các ngành hữu quan. Riêng các mẫu vật tự nhiên ở dạng vật thể là đối tượng hoạt động của phần lớn các bảo tàng lịch sử tự nhiên, các bảo tàng mang tính chuyên ngành như: bảo tàng động vật, bảo tàng thực vật, bảo tàng địa chất, bảo tàng hải dương học..., các bảo tàng cấp tỉnh có nhiệm vụ giới thiệu thiên nhiên của địa phương. Việc đề cập đến di sản văn hóa phi vật thể trong định nghĩa về hiện vật bảo tàng của *Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng* là một vấn đề rất mới mẻ - có thể nói, đây là lần đầu tiên khái niệm này được đưa vào định nghĩa về hiện vật bảo tàng ở Việt Nam. Tất nhiên, do đặc điểm của loại di sản này là nó không tồn tại ở dạng vật chất để chúng ta có thể nắm giữ được, mà ta chỉ có thể nhìn thấy nó qua việc trình diễn của những người thợ thủ công (quy trình, kỹ thuật làm ra các sản phẩm), qua lời kể của các nghệ nhân (kinh nghiệm, bí quyết của các nghề truyền thống), qua việc biểu diễn của các nghệ sĩ (các loại hình nghệ thuật cổ truyền) v.v..., nên các di sản văn hóa phi vật thể cần được "vật thể hoá" để trở thành hiện vật bảo tàng. Khi làm công việc

đó nhất thiết phải có sự trợ giúp của các phương tiện kỹ thuật hiện đại như: máy quay phim, máy ghi âm, máy chụp hình, ... để tạo ra các băng hình, các băng tiếng, các bức ảnh v.v... mà hiện nay người ra sử dụng như là những hiện vật bảo tàng.

Từ khái niệm hiện vật bảo tàng trong "Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng" nói trên, có thể công thức hoá như sau:

Hiện vật bảo tàng = di sản văn hóa vật thể (di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia) + di sản văn hóa phi vật thể (được vật thể hoá) + các mẫu vật tự nhiên.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, các đối tượng nghiên cứu, sưu tầm của mỗi bảo tàng tùy thuộc vào nhiệm vụ, nội dung hoạt động và loại hình của bảo tàng chứ không phải bảo tàng nào cũng cần sưu tầm và trưng bày tất cả các loại hiện vật trên, bởi có như vậy mới tạo được nét riêng cho từng bảo tàng.

3 - Đôi điều suy nghĩ

Từ khái niệm "bảo tàng" và "hiện vật bảo tàng" qua một số văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, tôi có mấy suy nghĩ sau:

- Đây là hai khái niệm cần thiết và sử dụng rất phổ biến trong hoạt động của ngành bảo tàng học, do vậy, việc đưa hai khái niệm trên vào văn bản quy phạm pháp luật hữu quan là rất thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi cho những người làm công tác trong ngành bảo tồn bảo tàng cũng như các ngành có những hoạt động liên quan.

- Nội dung của các khái niệm trong các văn bản vừa nêu trên là phù hợp với sự phát triển về lý luận cũng như thực tiễn của ngành bảo tàng học trên thế giới và ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Tuy nhiên, không nên coi các định nghĩa đó là những khái niệm bất biến, bởi chúng được xác định trong bối cảnh lịch sử của từng giai đoạn cụ thể. Do vậy, khi bối cảnh thay đổi, nghĩa là, khi sự nghiệp bảo tàng phát triển lên một mức độ cao hơn để đáp ứng các nhu cầu chính đáng và ngày càng đa dạng của xã hội, đồng thời để phù hợp với các ngành khoa học tương ứng, thì các định nghĩa trên cũng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Tôi cho rằng, định nghĩa mới nhất về khái

niệm "bảo tàng" của Việt Nam trong *Luật di sản văn hóa* so với định nghĩa của Hội đồng các bảo tàng quốc tế (gọi tắt là ICOM), định nghĩa của Hội bảo tàng Anh, định nghĩa của Hội bảo tàng Mỹ..., được đăng tải trong cuốn *Cơ sở bảo tàng* (Museum basics) của hai tác giả là ông TIMOTHY AMBROSE và ông CRISPIN PAINE, dưới sự tài trợ của UNESCO và ICOM, do Bảo tàng Cách mạng Việt Nam biên dịch và xuất bản năm 2000 là một định nghĩa khá ngắn gọn, song, vẫn thể hiện được bản chất của bảo tàng cùng với nhiệm vụ và đối tượng hoạt động của nó. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng, đối với các trường có đào tạo sinh viên ngành bảo tàng học thì cần tạo điều kiện cho các em không chỉ tiếp cận với các định nghĩa vừa nêu trên, mà còn cần được tiếp cận nhiều định nghĩa khác nữa, để các em có thể hiểu biết sâu rộng hơn về khái niệm "bảo tàng", nhằm cập nhật hoá thông tin và bổ sung kiến thức cho các em, góp phần tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành bảo tàng trong tương lai.

- Nếu khi nào đó, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tiến hành xây dựng và ban hành quy chế mới về vấn đề tổ chức và hoạt động của các bảo tàng ở Việt Nam (Quy chế đang áp dụng ban hành từ năm 1998) cũng như các văn bản có liên quan, thì nên sử dụng các từ ngữ cho phù hợp với các văn bản pháp luật mới ban hành để bảo đảm tính nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể là cụm từ "các di sản lịch sử - văn hoá và thiên nhiên" trong Quy chế nên sửa lại là "các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên" hoặc các di sản văn hóa và thiên nhiên".

T.T.H

Tài liệu dẫn

- 1 - *Cơ sở bảo tàng*, Timothy Ambrose và Crispin Paine, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, H.2000.
- 2 - *Luật di sản văn hoá và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2003.
- 3 - *Quy chế tổ chức và hoạt động của các bảo tàng*, ban hành theo Quyết định số 132 - 1998/QĐ-BVHTT ngày 6/2/1998 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.
- 4 - *Quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng*, ban hành theo Quyết định số 70/2006/QĐ-BVHTT ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin.
- 5 - *Sự nghiệp bảo tàng - những vấn đề cấp thiết*, Nxb.Lao động, H.1997.